

Bản án số: 191/2024/DS-ST
Ngày: 28 - 8 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Thiết Lập;
- Ông Nguyễn Thanh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Đại Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị K, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Dương Thị K: Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1962; nơi cư trú: Tổ D, ấp D, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: 1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ F, ấp F, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1974; địa chỉ: nơi cư trú: Tổ F, ấp F, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 4 năm 2024 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị K và Người đại diện theo ủy quyền của chị Dương Thị K là bà Đỗ Thị M trình bày:

Chị **Dương Thị K** có tham gia các dây hụi do bà **Nguyễn Thị T** làm chủ thảo hụi cụ thể như sau:

Dây hụi thứ 1, khai ngày 10/4/2021 (âm lịch), hụi 1.000.000 đồng, một tháng khai 01 lần, gồm 20 phần, trong đó chị **K** tham gia 01 phần. Chị **K** đã đóng cho bà **T** được 19 kỳ thì bà **T** ngưng không gom hụi nữa (ngày ngưng gom hụi là ngày 10/11/2022 (âm lịch), đến nay dây hụi này đã mãn nhưng vợ chồng bà **T**, ông **N** không đăng hụi cho chị **K**.

Dây hụi thứ 2, khai ngày 15/12/2021 (âm lịch), hụi 1.000.000 đồng, một tháng khai 01 lần, gồm 22 phần, trong đó chị **K** tham gia 01 phần. Chị **K** đã đóng đến ngày 15/4/2023 (âm lịch) được 18 kỳ thì vợ chồng bà **T** ngưng không gom hụi nữa và xin trả lại tiền cho chị **K**.

Vào ngày 06/4/2023 (Âm lịch) nhằm ngày 24/5/2023, bà **T** đã viết giấy chót nợ cho chị **K** số tiền nợ của hai dây hụi trên là 19.280.000 đồng và hẹn đến ngày 15/6/2023 (Âm lịch) sẽ trả cho chị **K** nhưng đến nay bà **T** không trả nên chị **K** mới khởi kiện.

Nay khởi kiện chị **K** yêu cầu bà **T**, ông **N** có nghĩa vụ trả cho chị **K** số tiền hụi là 19.280.000 đồng, ngoài ra, chị **K** không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà **Nguyễn Thị T** và chị **Dương Thị K** chỉ quen biết không quan hệ họ hàng. Bà **T** và ông **Nguyễn Văn N** trước đây là vợ chồng (sống chung năm 1994, đến tháng 06/2023 thì ly hôn, hiện nay bà và ông **N** không còn chung sống với nhau. Bà **T** bắt đầu làm thảo hụi vào năm 2016 cho đến năm 2023 thì ngưng cho đến nay. Chị **K** có tham gia 02 dây hụi do bà **T** làm thảo hụi và 02 dây hụi bà **T** còn nợ chị **K** và đang tranh chấp tại Tòa án, cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: Khai ngày 15/12/2021 (AL), dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, hụi có 22 phần, chị **K** tham gia 01 phần, chị **K** đóng được 16 kỳ, thành tiền thực đóng là 9.640.000 đồng.

Dây thứ hai: Khai ngày 10/4/2021 (AL), dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, hụi có 20 phần, chị **K** tham gia 01 phần, đóng được 19 kỳ, thành tiền thực đóng thì bà **T** không còn nhớ nữa.

Hai dây hụi trên thì có dây hụi ngày 10/4/2021 AL đã mãn, nhưng bà **T** không có tiền trả cho chị **K** vì bà **T** bị nhiều người giạt hụi. Giữa bà **T** và chị **K** có làm giấy chót nợ vào ngày 06/4/2023, số tiền chót nợ là 19.280.000 đồng, tuy nhiên, sau đó bà **T** cũng đã trả cho chị **K** được một số tiền nhưng bà **T** không nhớ là bao nhiêu, bà **T** trả bằng hình thức chuyển khoản. Khi làm thảo hụi, bà **T** có lập danh sách hụi và giao cho các hụi viên. Khi đến kỳ khai hụi, có lúc bà **T** đến nhà hụi viên gom hụi, có lúc các hụi viên đến nhà bà **T** đóng hụi, ghi vào sổ hụi. Mục đích bà **T** làm thảo hụi để được hưởng tiền hoa hồng (tiền cò), số tiền này bà **T** sử dụng sinh hoạt trong gia đình như ăn uống trong nhà. Ông **N** không có nghề nghiệp, chỉ ở nhà chăn nuôi, các chi tiêu sinh hoạt trong nhà do bà **T** lo liệu. Bà **T** có thuyết phục và trao đổi với ông

N cũng có nghĩa vụ trả tiền với bà **T** nhưng ông **N** không đồng ý.

Nay, chị **K** khởi kiện yêu cầu bà trả 19.280.000 đồng tiền hụi thì bà **T** sẽ cung cấp tài liệu chứng cứ, chứng minh bà **T** đã trả tiền cho chị **K** sau ngày 06/4/2023, nếu bà **T** không cung cấp được thì Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, ngoài ra, bà **T** không trình bày gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận ý kiến.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về hộ, hụi, biếu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **K**, buộc bà **T** và ông **N** có nghĩa vụ trả cho chị **K** số tiền hụi là 19.280.000 đồng, ghi nhận chị **K** không yêu cầu tính lãi.

- Về án phí: Bà **T** và ông **N** phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị **Dương Thị K** vắng mặt, Người đại diện theo ủy quyền của chị **Dương Thị K** là bà **Đỗ Thị M** vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn bà **Nguyễn Thị T** và ông **Nguyễn Văn N** đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có ký do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị **Dương Thị K** có tham gia 02 dây hụi tháng do bà **Nguyễn Thị T** làm chủ hụi gồm: Dây hụi thứ 1, khai ngày 10/4/2021 (âm lịch), hụi 1.000.000 đồng, một tháng khai 01 lần, gồm 20 phần, trong đó chị **K** tham gia 01 phần. Chị **K** đã đóng cho bà **T** được 19 kỳ thì bà **T** ngưng không gom hụi, đến nay dây hụi này đã mãn nhưng vợ chồng bà **T**, ông **N** không đăng hụi cho chị **K**; dây hụi thứ 2, khai ngày 15/12/2021 (âm lịch), hụi 1.000.000 đồng, một tháng khai 01 lần, gồm 22 phần, trong đó chị **K** tham gia 01 phần. Chị **K** đã đóng đến ngày 15/4/2023 (âm lịch) được 18 kỳ thì vợ chồng bà **T** ngưng không gom hụi nữa và xin trả lại tiền cho chị **K**. Vào ngày 06/4/2023 (Âm lịch) nhằm ngày 24/5/2023, bà **T**

đã viết giấy chốt nợ cho chị **K** số tiền nợ của hai dây hụi trên là 19.280.000 đồng và hẹn đến ngày 15/6/2023 (Âm lịch) sẽ trả cho chị **K** nhưng đến nay bà **T** không trả nên chị **K** mới khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án bà **T** không đồng ý trả lại cho chị **K** số tiền 19.280.000 đồng; ông **N** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận ý kiến.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị **Dương Thị K**, thấy rằng: Việc bà **Nguyễn Thị T** có mở các dây hụi tháng và chị **Dương Thị K** có tham gia các dây hụi tháng này là có thật. Khi mở hụi, bà **T** có lập danh sách hụi và giao cho các hụi viên. Bà **T** cũng thừa nhận có làm giấy chốt nợ cho chị **K** số tiền 19.280.000 đồng vào ngày 06/4/2023. Bà **T** cho rằng sau ngày 06/4/2023 bà có trả cho chị **K** được một số tiền, tuy nhiên, bà **T** không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án ông **N** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên ông **N** cũng phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để xác định chị **K** đã đóng tiền hụi cho bà **T** được số tiền 19.280.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu của chị **K** về việc yêu cầu ông **N** (chồng bà **T**) cùng có trách nhiệm trả số tiền hụi là 19.280.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà **Nguyễn Thị T** và ông **Nguyễn Văn N** là vợ chồng, sống cùng nhà với nhau tại ấp F, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Bà **T** làm thảo hụi trong một khoảng thời gian dài (bà **T** trình bày từ năm 2016 đến năm 2023 thì bẻ hụi), việc chi tiêu sinh hoạt trong gia đình do bà **T** lo liệu, thời điểm bà **T** làm thảo hụi thì bà **T** và ông **N** vẫn còn là vợ chồng nên Hội đồng xét xử xét thấy việc yêu cầu ông **N** cùng có trách nhiệm với bà **T** trả cho chị **K** số tiền hụi là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Từ những nhận định trên, cần buộc bà **T** và ông **N** có nghĩa vụ trả cho chị **K** số tiền hụi là 19.280.000 đồng, trong đó, ông **N** có nghĩa vụ trả cho chị **K** số tiền 9.640.000 đồng, bà **T** có nghĩa vụ trả cho chị **K** số tiền 9.640.000 đồng là phù hợp với Điều 471, Điều 288 của Bộ luật Dân sự và Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận, chị **K** không yêu cầu tính tiền lãi.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chị **K** không phải chịu nên hoàn trả lại cho chị **K** tiền tạm ứng án phí đã nộp.
- Bà **T** và ông **N** mỗi người phải chịu 482.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 288 của Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Dương Thị K** đối với bà **Nguyễn Thị T**, ông **Nguyễn Văn N** về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc bà **Nguyễn Thị T** và ông **Nguyễn Văn N** có nghĩa vụ trả cho chị **Dương Thị K** số tiền hụi là 19.280.000 đồng (mười chín triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng, trong đó, ông **Nguyễn Văn N** có nghĩa vụ trả cho chị **Dương Thị K** số tiền 9.640.000 đồng, bà **Nguyễn Thị T** có nghĩa vụ trả cho chị **K** số tiền 9.640.000 đồng. Ghi nhận, chị **Dương Thị K** không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án chị **Dương Thị K** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án bà **Nguyễn Thị T** và ông **Nguyễn Văn N** không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án bà **Nguyễn Thị T** và ông **Nguyễn Văn N** còn phải trả cho người được thi hành án chị **Dương Thị K** số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Chị **Dương Thị K** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà **Nguyễn Thị Kim P** 526.000 (năm trăm hai mươi sáu nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0006121 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Bà **Nguyễn Thị T** và ông **Nguyễn Văn N** mỗi người phải chịu 482.000 (bốn trăm tám mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Cường